

Hà t«n th«y sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Thời gian cần thiết để một tế bào vi sinh vật phân chia được gọi là

- A. Thời gian một thế hệ B. Thời gian sinh trưởng
C. Thời gian sinh trưởng và phát triển D. Thời gian tiềm phát

Câu 2: Một tế bào sinh dục đực, xét 3 cặp nhiễm sắc thể đồng dạng có kí hiệu AaBbDd, giả sử không có hiện tượng trao đổi chéo xảy ra. Trong thực tế tế bào này sẽ cho:

- A. 2 loại giao tử B. 4 loại giao tử C. 8 loại giao tử D. 16 loại giao tử.

Câu 3: Trong nuôi cấy không liên tục, ở pha suy vong, nhiều tế bào vi khuẩn bị chết và phân hủy vì

- A. thiếu chất dinh dưỡng, thừa chất độc hại. B. thiếu chất dinh dưỡng thiếu ôxi.
C. thừa chất độc hại thiếu ôxi. D. thiếu chất dinh dưỡng, thiếu ôxi, thừa chất độc hại.

Câu 4: Cho : (1) Thoi phân bào xuất hiện. (2) Nhiễm sắc thể co ngắn cực đại và tập trung thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo. (3) Màng nhân tiêu biến. (4) Thoi phân bào được đính vào 2 phía của nhiễm sắc thể ở tâm động. (5) Nhiễm sắc thể dần được co xoắn. (6) Các nhiễm sắc thể dần dần xoắn.

Những diễn biến của tế bào ở kì đầu của nguyên phân bao gồm

- A. 1, 3, 5 B. 1, 3, 6 C. 2, 3, 4 D. 3, 4, 6

Câu 5: Từ 3 tế bào ban đầu, trong đó có 2 tế bào đều trải qua 3 lần phân chia nguyên phân liên tiếp, còn tế bào thứ ba trải qua 5 lần nguyên phân liên tiếp. Tổng số tế bào con tạo ra là

- A. 17 tế bào con. B. 22 tế bào con. C. 48 tế bào con. D. 64 tế bào con.

Câu 6: Một tế bào sinh tinh hoặc sinh trứng ở giai đoạn chín sẽ trải qua

- A. một lần giảm phân và một lần phân bào để tạo giao tử. B. một số lần nguyên phân để tạo giao tử.
C. một lần giảm phân gồm hai lần phân bào để tạo giao tử. D. hai lần giảm phân để tạo thành giao tử.

Câu 7: Vi sinh vật quang dị dưỡng cần nguồn năng lượng và nguồn cacbon chủ yếu từ

- A. ánh sáng và CO₂. B. ánh sáng và chất hữu cơ. C. chất vô cơ và CO₂. D. chất hữu cơ.

Câu 8: Một nhóm tế bào vi khuẩn cùng loài, tiến hành phân bào trong thời gian 3 giờ 30 phút và đã tạo ra tổng số 640 tế bào mới. Biết rằng mỗi vi khuẩn đã phân bào được 7 lần. Số tế bào ban đầu của nhóm vi khuẩn là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 9: Quá trình nào sau đây không phải là ứng dụng lên men?

- A. Muối dưa, cà B. Làm sữa chua C. Tạo rượu D. Làm giấm

Câu 10: Mục đích của việc sử dụng môi trường nuôi cấy liên tục trong công nghệ nhằm

- A. tăng thời gian thế hệ của quần thể vi sinh vật. B. thu nhiều sản phẩm và sinh khối tế bào vi sinh vật.
C. hạn chế sinh trưởng của vi sinh vật. D. kéo dài pha suy vong của quần thể vi sinh vật.

Câu 11: Trong thời gian 100 phút, từ 1 tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của loài vi khuẩn trên là bao nhiêu ?

- A. 120 phút B. 60 phút C. 40 phút D. 20 phút

Câu 12: Các yếu tố sinh trưởng là các chất hữu cơ

- A. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
B. không cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
C. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng tự tổng hợp được.
D. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được.

Câu 13: Trong kì trung gian giữa 2 lần phân bào rất khó quan sát NST vì

- A. nhiễm sắc thể chưa tự nhân đôi.
B. nhiễm sắc thể tháo xoắn, tồn tại dưới dạng sợi rất mảnh.
C. nhiễm sắc thể ra khỏi nhân và phân tán trong tế bào chất.
D. các nhiễm sắc thể tương đồng chưa liên kết thành từng cặp.

Câu 14: Tự cầu vàng sinh trưởng được trong môi trường chứa nước, muối khoáng, nước thịt. Đây là loại môi trường

- A. tự nhiên. B. tổng hợp. C. bán tổng hợp. D. bán tự nhiên.

Câu 15: Ứng dụng nào sau đây không phải của sự tổng hợp ở vi sinh vật?

- A. Sản xuất sinh khối B. Sản xuất axit amin
C. Cải thiện công nghiệp thuộc da D. Sản xuất gồm sinh học.

Câu 16: Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân đã tạo ra 512 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân trên là

- A. 16. B. 32. C. 64. D. 128.

Câu 17: Tại sao trâu bò đồng hóa được rơm rạ, cỏ giàu chất xơ?

- A. Vì trâu bò là động vật nhai lại.
- B. Vì trong rơm rạ, cỏ có chứa nhiều vi sinh vật phân giải chất xơ.
- C. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các vi sinh vật phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
- D. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các enzym phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.

Câu 18: Loại bào tử nào sau đây không phải là bào tử sinh sản của vi khuẩn?

- A. Nội bào tử.
- B. Bào tử đốt.
- C. Ngoại bào tử.
- D. Bào tử hữu tính.

Câu 19: Sản phẩm của quá trình lên men lactic dị hình là

- A. axit lactic và O_2 .
- B. axit lactic, etanol, axit axetic, CO_2 .
- C. axit lactic và CO_2 .
- D. axit lactic, O_2 và CO_2 .

Câu 20: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, enzym cảm ứng được hình thành ở pha

- A. tiềm phát.
- B. lũy thừa.
- C. cân bằng.
- D. suy vong.

Câu 21: Xem bức ảnh hiển vi chụp tế bào chuột đang phân chia thì thấy trong một tế bào có 19 NST, mỗi NST gồm 2 crômatit. Tế bào ấy đang ở

- A. kì đầu của nguyên phân.
- B. kì đầu của giảm phân II.
- C. kì đầu của giảm phân I.
- D. kì cuối của giảm phân II.

Câu 22: Ở người ($2n = 46$), số NST trong 1 tế bào ở kì sau của nguyên phân là

- A. 23 NST đơn.
- B. 46 NST đơn.
- C. 46 NST kép.
- D. 92 NST đơn.

Câu 23: Nhiệt độ ảnh hưởng đến

- A. tính dễ thấm qua màng tế bào vi khuẩn.
- B. hoạt tính enzym trong tế bào vi khuẩn.
- C. sự hình thành ATP trong tế bào vi khuẩn.
- D. tốc độ các phản ứng sinh hóa trong tế bào vi sinh vật.

Câu 24: Vi sinh vật nguyên dưỡng là vi sinh vật tự tổng hợp được tất cả các chất

- A. chuyên hoá sơ cấp.
- B. chuyên hoá thứ cấp.
- C. cần thiết cho sự sinh trưởng.
- D. chuyên hoá sơ cấp và thứ cấp.

Câu 25: Kiểu dinh dưỡng của vi khuẩn lam là

- A. hoá tự dưỡng.
- B. quang tự dưỡng.
- C. hoá dị dưỡng.
- D. quang dị dưỡng.

Câu 26: Tia tử ngoại có tác dụng

- A. làm tăng tốc độ các phản ứng sinh hoá trong tế bào vi sinh vật.
- B. gây đột biến hoặc gây chết các tế bào vi khuẩn.
- C. tăng hoạt tính enzym.
- D. tham gia vào quá trình thủy phân trong tế bào vi khuẩn.

Câu 27: Ở gà có bộ NST $2n = 78$. Một tế bào sinh dục sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 7.
- B. 6.
- C. 5.
- D. 4.

Câu 28: Trong nguyên phân, tế bào động vật phân chia chất tế bào bằng cách

- A. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo.
- B. kéo dài màng tế bào.
- C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào hoặc tạo vách ngăn.
- D. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào.

Câu 29: Việc làm tương, nước chấm là lợi dụng quá trình

- A. lên men rượu.
- B. lên men lactic.
- C. phân giải polisacarit.
- D. phân giải prôtêin.

Câu 30: Vi sinh vật kỵ khí không bắt buộc là các vi sinh vật

- A. có thể sử dụng ôxi để hô hấp hiếu khí, khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
- B. không thể sử dụng ôxi để hô hấp, nhưng khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
- C. sống trong môi trường có ít ôxi, chúng tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
- D. sống trong môi trường có nồng độ ôxi thấp hơn nồng độ ôxi trong khí quyển, chúng hô hấp kỵ khí.

----- HỒ T -----

SỐ SÈ: 256

Hà tên thí sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân đã tạo ra 512 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân trên là

- A. 32. B. 16. C. 128. D. 64.

Câu 2: Trong nuôi cấy không liên tục, ở pha suy vong, nhiều tế bào vi khuẩn bị chết và phân hủy vì

- A. thiếu chất dinh dưỡng, thừa chất độc hại. B. thiếu chất dinh dưỡng thiếu ôxi.
C. thiếu chất dinh dưỡng, thiếu ôxi, thừa chất độc hại. D. thừa chất độc hại thiếu ôxi.

Câu 3: Xem bức ảnh hiển vi chụp tế bào chuột đang phân chia thì thấy trong một tế bào có 19 NST, mỗi NST gồm 2 crômatit. Tế bào ấy đang ở

- A. kì đầu của giảm phân II. B. kì đầu của nguyên phân.
C. kì đầu của giảm phân I. D. kì cuối của giảm phân II.

Câu 4: Nhiệt độ ảnh hưởng đến

- A. sự hình thành ATP trong tế bào vi khuẩn.
B. tính dễ thấm qua màng tế bào vi khuẩn.
C. tốc độ các phản ứng sinh hóa trong tế bào vi sinh vật.
D. hoạt tính enzim trong tế bào vi khuẩn.

Câu 5: Trong kì trung gian giữa 2 lần phân bào rất khó quan sát NST vì

- A. nhiễm sắc thể ra khỏi nhân và phân tán trong tế bào chất.
B. nhiễm sắc thể chưa tự nhân đôi.
C. nhiễm sắc thể tháo xoắn, tồn tại dưới dạng sợi rất mảnh.
D. các nhiễm sắc thể tương đồng chưa liên kết thành từng cặp.

Câu 6: Vi sinh vật nguyên dưỡng là vi sinh vật tự tổng hợp được tất cả các chất

- A. chuyển hoá thứ cấp. B. cần thiết cho sự sinh trưởng.
C. chuyển hoá sơ cấp và thứ cấp. D. chuyển hoá sơ cấp.

Câu 7: Tia tử ngoại có tác dụng

- A. tham gia vào quá trình thủy phân trong tế bào vi khuẩn.
B. làm tăng tốc độ các phản ứng sinh hoá trong tế bào vi sinh vật.
C. gây đột biến hoặc gây chết các tế bào vi khuẩn.
D. tăng hoạt tính enzim.

Câu 8: Ứng dụng nào sau đây **không phải** của sự tổng hợp ở vi sinh vật?

- A. Sản xuất gôm sinh học. B. Cải thiện công nghiệp thuộc da
C. Sản xuất axit amin D. Sản xuất sinh khối

Câu 9: Quá trình nào sau đây không phải là ứng dụng lên men?

- A. Làm giấm B. Muối dưa, cà C. Làm sữa chua D. Tạo rượu

Câu 10: Một tế bào sinh tinh hoặc sinh trứng ở giai đoạn chín sẽ trải qua

- A. một lần giảm phân gồm hai lần phân bào để tạo giao tử.
B. hai lần giảm phân để tạo thành giao tử.
C. một lần giảm phân và một lần phân bào để tạo giao tử.
D. một số lần nguyên phân để tạo giao tử.

Câu 11: Thời gian cần thiết để một tế bào vi sinh vật phân chia được gọi là

- A. Thời gian sinh trưởng và phát triển B. Thời gian một thế hệ
C. Thời gian tiềm phát D. Thời gian sinh trưởng

Câu 12: Vi sinh vật quang dị dưỡng cần nguồn năng lượng và nguồn cacbon chủ yếu từ

- A. chất vô cơ và CO₂. B. ánh sáng và CO₂. C. ánh sáng và chất hữu cơ. D. chất hữu cơ.

Câu 13: Trong nguyên phân, tế bào động vật phân chia chất tế bào bằng cách

- A. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào. .
B. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo.
C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào hoặc tạo vách ngăn.
D. kéo dài màng tế bào.

Câu 14: Mục đích của việc sử dụng môi trường nuôi cấy liên tục trong công nghệ nhằm

- A. kéo dài pha suy vong của quần thể vi sinh vật. B. tăng thời gian thế hệ của quần thể vi sinh vật.
C. hạn chế sinh trưởng của vi sinh vật. D. thu nhiều sản phẩm và sinh khối tế bào vi sinh vật.

Câu 15: Ở người ($2n = 46$), số NST trong 1 tế bào ở kì sau của nguyên phân là

- A. 92 NST đơn. B. 23 NST đơn. C. 46 NST đơn. D. 46 NST kép.

Câu 16: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, enzim cảm ứng được hình thành ở pha

- A. tiềm phát. B. suy vong. C. lũy thừa. D. cân bằng.

Câu 17: Ở gà có bộ NST $2n = 78$. Một tế bào sinh dục sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 6. B. 4. C. 5. D. 7.

Câu 18: Tụ cầu vàng sinh trưởng được trong môi trường chứa nước, muối khoáng, nước thịt. Đây là loại môi trường

- A. bán tự nhiên. B. tổng hợp. C. tự nhiên. D. bán tổng hợp.

Câu 19: Tại sao trâu bò đồng hóa được rơm rạ, cỏ giàu chất xơ?

- A. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các enzym phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
B. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các vi sinh vật phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
C. Vì trâu bò là động vật nhai lại.
D. Vì trong rơm rạ, cỏ có chứa nhiều vi sinh vật phân giải chất xơ.

Câu 20: Trong thời gian 100 phút, từ 1 tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của loài vi khuẩn trên là bao nhiêu?

- A. 40 phút B. 120 phút C. 60 phút D. 20 phút

Câu 21: Từ 3 tế bào ban đầu, trong đó có 2 tế bào đều trải qua 3 lần phân chia nguyên phân liên tiếp, còn tế bào thứ ba trải qua 5 lần nguyên phân liên tiếp. Tổng số tế bào con tạo ra là

- A. 48 tế bào con. B. 22 tế bào con. C. 17 tế bào con. D. 64 tế bào con.

Câu 22: Vi sinh vật kỵ khí không bắt buộc là các vi sinh vật

- A. có thể sử dụng ôxi để hô hấp hiếu khí, khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
B. sống trong môi trường có ít ôxi, chúng tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
C. sống trong môi trường có nồng độ ôxi thấp hơn nồng độ ôxi trong khí quyển, chúng hô hấp kỵ khí.
D. không thể sử dụng ôxi để hô hấp, nhưng khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.

Câu 23: Việc làm tương, nước chấm là lợi dụng quá trình

- A. lên men rượu. B. phân giải prôtêin. C. lên men lactic. D. phân giải pôlisacarit.

Câu 24: Một nhóm tế bào vi khuẩn cùng loài, tiến hành phân bào trong thời gian 3 giờ 30 phút và đã tạo ra tổng số 640 tế bào mới. Biết rằng mỗi vi khuẩn đã phân bào được 7 lần. Số tế bào ban đầu của nhóm vi khuẩn là:

- A. 7 B. 5 C. 6 D. 4

Câu 25: Kiểu dinh dưỡng của vi khuẩn lam là

- A. quang dị dưỡng. B. hoá tự dưỡng. C. hoá dị dưỡng. D. quang tự dưỡng.

Câu 26: Một tế bào sinh dục đực, xét 3 cặp nhiễm sắc thể đồng dạng có kí hiệu AaBbDd, giả sử không có hiện tượng trao đổi chéo xảy ra. Trong thực tế tế bào này sẽ cho:

- A. 16 loại giao tử. B. 8 loại giao tử C. 4 loại giao tử D. 2 loại giao tử

Câu 27: Các yếu tố sinh trưởng là các chất hữu cơ

- A. không cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
B. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
C. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng tự tổng hợp được.
D. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được.

Câu 28: Sản phẩm của quá trình lên men lactic dị hình là

- A. axit lactic và CO_2 . B. axit lactic, O_2 và CO_2 .
C. axit lactic và O_2 . D. axit lactic, etanol, axit axetic, CO_2 .

Câu 29: Loại bào tử nào sau đây không phải là bào tử sinh sản của vi khuẩn?

- A. Bào tử đốt. B. Ngoại bào tử. C. Nội bào tử. D. Bào tử hữu tính.

Câu 30: Cho : (1) Thoi phân bào xuất hiện. (2) Nhiễm sắc thể co ngắn cực đại và tập trung thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo. (3) Màng nhân tiêu biến. (4) Thoi phân bào được đính vào 2 phía của nhiễm sắc thể ở tâm động. (5) Nhiễm sắc thể dần được co xoắn. (6) Các nhiễm sắc thể dần dần xoắn.

Những diễn biến của tế bào ở kì đầu của nguyên phân bao gồm

- A. 1, 3, 6 B. 1, 3, 5 C. 3, 4, 6 D. 2, 3, 4

----- HỒ T -----

SỐ sè: 375

Hà t«n thĩ sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Vi sinh vật quang dị dưỡng cần nguồn năng lượng và nguồn cacbon chủ yếu từ

- A. ánh sáng và chất hữu cơ. B. chất hữu cơ. C. chất vô cơ và CO₂. D.

ánh sáng và CO₂.

Câu 2: Vi sinh vật nguyên dưỡng là vi sinh vật tự tổng hợp được tất cả các chất

- A. chuyển hoá sơ cấp và thứ cấp. B. cần thiết cho sự sinh trưởng.
C. chuyển hoá thứ cấp. D. chuyển hoá sơ cấp.

Câu 3: Vi sinh vật kỵ khí không bắt buộc là các vi sinh vật

- A. sống trong môi trường có ít ôxi, chúng tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
B. có thể sử dụng ôxi để hô hấp hiếu khí, khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
C. sống trong môi trường có nồng độ ôxi thấp hơn nồng độ ôxi trong khí quyển, chúng hô hấp kỵ khí.
D. không thể sử dụng ôxi để hô hấp, nhưng khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.

Câu 4: Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân đã tạo ra 512 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân trên là

- A. 32. B. 64. C. 128. D. 16.

Câu 5: Trong nguyên phân, tế bào động vật phân chia chất tế bào bằng cách

- A. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào hoặc tạo vách ngăn.
B. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo.
C. kéo dài màng tế bào.
D. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào. .

Câu 6: Quá trình nào sau đây không phải là ứng dụng lên men?

- A. Làm sữa chua B. Tạo rượu C. Muối dưa, cà D. Làm giấm

Câu 7: Từ 3 tế bào ban đầu, trong đó có 2 tế bào đều trải qua 3 lần phân chia nguyên phân liên tiếp, còn tế bào thứ ba trải qua 5 lần nguyên phân liên tiếp. Tổng số tế bào con tạo ra là

- A. 48 tế bào con. B. 64 tế bào con. C. 17 tế bào con. D. 22 tế bào con.

Câu 8: Cho : (1) Thoi phân bào xuất hiện. (2) Nhiễm sắc thể co ngắn cực đại và tập trung thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo. (3) Màng nhân tiêu biến. (4) Thoi phân bào được đính vào 2 phía của nhiễm sắc thể ở tâm động. (5) Nhiễm sắc thể dần được co xoắn. (6) Các nhiễm sắc thể dần dần xoắn.

Những diễn biến của tế bào ở kì đầu của nguyên phân bao gồm

- A. 1, 3, 5 B. 2, 3, 4 C. 1, 3, 6 D. 3, 4, 6

Câu 9: Một tế bào sinh tinh hoặc sinh trứng ở giai đoạn chín sẽ trải qua

- A. hai lần giảm phân để tạo thành giao tử.
B. một số lần nguyên phân để tạo giao tử.
C. một lần giảm phân và một lần phân bào để tạo giao tử.
D. một lần giảm phân gồm hai lần phân bào để tạo giao tử.

Câu 10: Ở gà có bộ NST $2n = 78$. Một tế bào sinh dục sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 6. B. 4. C. 5. D. 7.

Câu 11: Trong kì trung gian giữa 2 lần phân bào rất khó quan sát NST vì

- A. nhiễm sắc thể ra khỏi nhân và phân tán trong tế bào chất.
B. các nhiễm sắc thể tương đồng chưa liên kết thành từng cặp.
C. nhiễm sắc thể chưa tự nhân đôi.
D. nhiễm sắc thể tháo xoắn, tồn tại dưới dạng sợi rất mảnh.

Câu 12: Một nhóm tế bào vi khuẩn cùng loài, tiến hành phân bào trong thời gian 3 giờ 30 phút và đã tạo ra tổng số 640 tế bào mới. Biết rằng mỗi vi khuẩn đã phân bào được 7 lần. Số tế bào ban đầu của nhóm vi khuẩn là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 13: Sản phẩm của quá trình lên men lactic dị hình là

- A. axit lactic, O₂ và CO₂. B. axit lactic và CO₂.
C. axit lactic và O₂. D. axit lactic, etanol, axit axetic, CO₂.

Câu 14: Mục đích của việc sử dụng môi trường nuôi cấy liên tục trong công nghệ nhằm

- A. tăng thời gian thế hệ của quần thể vi sinh vật.
- B. hạn chế sinh trưởng của vi sinh vật.
- C. kéo dài pha suy vong của quần thể vi sinh vật.
- D. **thu nhiều sản phẩm và sinh khối tế bào vi sinh vật.**

Câu 15: Ứng dụng nào sau đây **không phải** của sự tổng hợp ở vi sinh vật?

- A. Sản xuất sinh khối
- B. **Cải thiện công nghiệp thuộc da**
- C. Sản xuất axit amin
- D. Sản xuất gồm sinh học.

Câu 16: Ở người ($2n = 46$), số NST trong 1 tế bào ở kì sau của nguyên phân là

- A. 23 NST đơn.
- B. 46 NST đơn.
- C. **92 NST đơn.**
- D. 46 NST kép.

Câu 17: Một tế bào sinh dục đực, xét 3 cặp nhiễm sắc thể đồng dạng có kí hiệu AaBbDd, giả sử không có hiện tượng trao đổi chéo xảy ra. Trong thực tế tế bào này sẽ cho:

- A. 4 loại giao tử
- B. 8 loại giao tử
- C. **2 loại giao tử**
- D. 16 loại giao tử.

Câu 18: Trong thời gian 100 phút, từ 1 tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của loài vi khuẩn trên là bao nhiêu ?

- A. 60 phút
- B. **20 phút**
- C. 120 phút
- D. 40 phút

Câu 19: Thời gian cần thiết để một tế bào vi sinh vật phân chia được gọi là

- A. **Thời gian một thế hệ**
- B. Thời gian sinh trưởng
- C. Thời gian sinh trưởng và phát triển
- D. Thời gian tiềm phát

Câu 20: Các yếu tố sinh trưởng là các chất hữu cơ

- A. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
- B. **cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được.**
- C. không cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
- D. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng tự tổng hợp được.

Câu 21: Tia tử ngoại có tác dụng

- A. tham gia vào quá trình thủy phân trong tế bào vi khuẩn.
- B. làm tăng tốc độ các phản ứng sinh hoá trong tế bào vi sinh vật.
- C. **gây đột biến hoặc gây chết các tế bào vi khuẩn.**
- D. tăng hoạt tính enzim.

Câu 22: Kiểu dinh dưỡng của vi khuẩn lam là

- A. hoá dị dưỡng.
- B. quang dị dưỡng.
- C. hoá tự dưỡng.
- D. **quang tự dưỡng.**

Câu 23: Trong nuôi cấy không liên tục, ở pha suy vong, nhiều tế bào vi khuẩn bị chết và phân hủy vì

- A. thiếu chất dinh dưỡng, thiếu ôxi, thừa chất độc hại.
- B. **thiếu chất dinh dưỡng, thừa chất độc hại.**
- C. thừa chất độc hại thiếu ôxi.
- D. thiếu chất dinh dưỡng thiếu ôxi.

Câu 24: Việc làm tương, nước chấm là lợi dụng quá trình

- A. lên men lactic.
- B. phân giải polisacarit.
- C. lên men rượu.
- D. **phân giải prôtêin.**

Câu 25: Xem bức ảnh hiển vi chụp tế bào chuột đang phân chia thì thấy trong một tế bào có 19 NST, mỗi NST gồm 2 crômatit. Tế bào ấy đang ở

- A. kì cuối của giảm phân II.
- B. **kì đầu của giảm phân II.**
- C. kì đầu của giảm phân I.
- D. kì đầu của nguyên phân.

Câu 26: Loại bào tử nào sau đây không phải là bào tử sinh sản của vi khuẩn?

- A. Bào tử đốt.
- B. Ngoại bào tử.
- C. Bào tử hữu tính.
- D. **Nội bào tử.**

Câu 27: Nhiệt độ ảnh hưởng đến

- A. **tốc độ các phản ứng sinh hóa trong tế bào vi sinh vật.**
- B. hoạt tính enzim trong tế bào vi khuẩn.
- C. sự hình thành ATP trong tế bào vi khuẩn.
- D. tính dễ thấm qua màng tế bào vi khuẩn.

Câu 28: Tại sao trâu bò đồng hóa được rom rạ, cỏ giàu chất xơ?

- A. Vì trong rom rạ, cỏ có chứa nhiều vi sinh vật phân giải chất xơ.
- B. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các enzim phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rom rạ, cỏ.
- C. Vì trâu bò là động vật nhai lại.
- D. **Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các vi sinh vật phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rom rạ, cỏ.**

Câu 29: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, enzim cảm ứng được hình thành ở pha

- A. **tiềm phát.**
- B. lũy thừa.
- C. suy vong.
- D. cân bằng.

Câu 30: Tự cầu vàng sinh trưởng được trong môi trường chứa nước, muối khoáng, nước thịt. Đây là loại môi trường

- A. tự nhiên.
- B. tổng hợp.
- C. **bán tổng hợp.**
- D. bán tự nhiên.